

Bản án số: **180/2019/DS-PT**

Ngày: 03-10-2019

V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1213/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Giang Thị Kim H**, Sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 53, Đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Bùi Thị Ngọc L**, Sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 51, Đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Giang Thị Kim G**, Sinh năm: 1951; địa chỉ: Số 159 đường L2, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà **Giang Thị Kim A**, Sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 53, Đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giang Thị Kim G và Giang Thị Kim A: Bà **Giang Thị Kim H1** (theo văn bản ủy quyền số 136 ngày 09/01/2018); có mặt.

3. Bà **Giang Thị Kim H1**, Sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 53 Đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

4. Ông **Giang Kim N**, Sinh năm: 1961; địa chỉ: AUSTRALIA; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Kim N: Bà **Giang Thị Kim H** (theo văn bản ủy quyền số 213 ngày 03/5/2018); có mặt.

5. Bà **Giang Thị Kim H2**, Sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn TN, xã D1, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà **Giang Kim Hải Tr**, Sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

7. Bà **Giang Kim Ngọc Tr1**, Sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ Đ1, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giang Kim Ngọc Tr1: Bà **Bùi Thị Ngọc L** (theo văn bản ủy quyền số 1446 ngày 05/10/2018); có mặt.

8. Ông **Giang Kim Tr2**, Sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

9. Bà **Nay Thị R**, sinh năm 1952;

10. Ông **Lê Trường S**, sinh năm 1970;

11. Bà **Lê Thị Thu H3**, sinh năm 1972;

12. Bà **Lê Thị Thu V**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn I, thị trấn Nh, huyện C2, tỉnh Gia Lai.

13. Bà **Lê Thị Thu N1**, sinh năm 1975;

14. Ông **Lê Trường L1**, sinh năm 1980;

15. Bà **Lê Thị Thu Th**, sinh năm 1982;

16. Bà **Lê Thị Th1**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thị trấn Nh, huyện C2, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp cho các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1: Ông **Nguyễn Văn H4**, sinh năm 1953, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 07 ngày 17/6/2019 của UBND thị trấn Nh); có mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Bùi Thị Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn bà Giang Thị Kim H trình bày: Cha bà là ông Giang Kim M (mất năm 1970) và mẹ là bà Phan Thị B (mất năm 1999), ông M và bà B có 08 người con bao gồm:

1. Bà Giang Thị Kim G - sinh năm 1951;
2. Ông Giang Kim Tâm (mất năm 1978 không có vợ, con);
3. Ông Giang Kim Tr3 (mất năm 2012), ông Tr3 có vợ bà Bùi Thị Ngọc L và 03 con Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Tr2, Giang Kim Hải Tr.
4. Bà Giang Thị Kim A - sinh năm 1958;
5. Ông Giang Kim N - sinh năm 1961;
6. Bà Giang Thị Kim H - sinh năm 1963;
7. Bà Giang Thị Kim H2 - sinh năm 1965;
8. Bà Giang Thị Kim H1 - sinh năm 1968;

Ngoài 08 người con này ra, cha mẹ bà không có con nuôi hoặc con riêng khác. Ông M và bà B mất không để lại di chúc, khi còn sống ông M và bà B có mua lô đất của ông Lai C và bà M1 Thị S1 với diện tích 599m² tọa lạc tại xứ G1, thôn P1, xã D1, huyện D2 (nay là Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2) các giấy tờ mua bán đã bị thất lạc trong chiến tranh, diện tích đo đạc thực tế khoảng 810m². Trên lô đất này cha, mẹ bà có cất một ngôi nhà cấp 4 hai gian, năm 2002 ông Giang Kim Tr3 phá bỏ gian nhà trên và xây dựng nhà lầu cho gia đình ông. Ông Giang Kim Tr3 mất năm 2012, sau khi ông Tr3 mất gia đình bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2014 bà có làm đơn khiếu nại tranh chấp di sản thừa kế với vợ ông Giang Kim Tr3 là bà Bùi Thị Ngọc L, Ủy ban nhân dân thị trấn D2 đã tiến hành hòa giải vào các ngày 02/6/2014 và 26/11/2014 nhưng không thành. Hiện nay đất của cha mẹ bà để lại do gia đình ông Giang Kim Tr3 quản lý sử dụng khoảng 256m² và diện tích còn lại khoảng 554m² do bà, bà Giang Thị Kim A, bà Giang Thị Kim H1 quản lý sử dụng. Do vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại bao gồm 810m² đất và nhà ở trên đất theo quy định pháp luật cho các anh em trong gia đình mỗi người được hưởng kỹ phần như nhau. Trường hợp bà Bùi Thị Ngọc L muốn tiếp tục quản lý sử dụng 256m² đất do cha mẹ bà để lại thì phải thanh toán một khoản tiền cho bà Giang Thị Kim H2, số tiền phải thanh toán sẽ theo quy định pháp luật.

Tại các bản tự khai bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L trình bày: Nguồn gốc đất tại số 51 Đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2 là của cha mẹ chồng bà là ông Giang Kim M và bà Phan Thị B để lại, tiền xây dựng nhà là của bà và ông Giang Kim Tr3 bỏ ra. Khi bà Phan Thị B mất, vợ chồng bà quyết định ra đi và giao nhà lại cho 05 chị em gái ở, đến ngày cúng giỗ vợ chồng bà sẽ về lo nhưng bà Giang Thị Kim G không đồng ý và muốn giao nhà trên cho vợ chồng

bà xây dựng để ở và thờ cúng ông bà, cha mẹ. Khi đó bà có ý kiến là nếu đập hết toàn bộ nhà cũ và chia đều cho các anh chị em thì bà mới nhận và xây mới nhưng bà G phản đối. Do vậy, gia đình có họp và 05 chị em gái đã thỏa thuận chỉ định ranh giới xây nhà cho vợ chồng bà, vợ chồng bà xây nhà theo đúng ranh giới đã thỏa thuận, khi xây nhà các bên không có tranh chấp, phần đất còn lại ông Tr3 chia đều cho các chị em là bà H2, H, A, H1, bà G tuyên bố không nhận. Khi Nhà nước có quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì bà H có đơn khiếu nại bà tới UBND thị trấn D2. Tại buổi hòa giải với UBND thị trấn, bà mới biết khi xây dựng nhà vợ chồng bà có xây phạm vào mấy chục mét đất. Bà H yêu cầu bà phải trả bằng vàng giá trị mấy chục mét đất này nhưng bà không đồng ý và không có khả năng để trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại cho các anh chị em, bà yêu cầu đất và nhà trên đất diện tích 256m² thuộc sở hữu của gia đình bà, bao gồm tất cả các miếng đất tại các mái hiên của gia đình, phần còn lại bà H và các chị em khác phân chia thế nào bà không có ý kiến. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Ngọc L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức giữ gìn tài sản thừa kế của ông Giang Kim Tr3 và bà.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim H1 trình bày: Bà thống nhất với nội dung khởi kiện của bà Giang Thị Kim H đồng thời yêu cầu khi phân chia di sản thừa kế, bà Bùi Thị Ngọc L phải trả lại phần diện tích bao gồm tất cả các miếng đất tại các mái hiên, cánh cửa sổ mà bà L đang xây lấn qua đất của bà, bà Giang Thị Kim H và bà Giang Thị Kim A đang quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, bà Giang Kim H1 xin được nhận phần thừa kế căn nhà cấp 4 do cha mẹ để lại.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim G trình bày: Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H, đề nghị Tòa án chia di sản do cha mẹ bà để lại theo quy định pháp luật, kỷ phần mà bà được hưởng bà đồng ý cho em gái là bà Giang Thị Kim H1 nhận và sở hữu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim A trình bày: Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế do cha bà là ông Giang Kim M và mẹ là bà Phan Thị B để lại theo quy định của pháp luật, kỷ phần mà bà được hưởng bà đồng ý cho bà Giang Thị Kim H nhận và sở hữu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Kim H2 trình bày: Bà thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H đề nghị Tòa án chia di sản của cha mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật, trường hợp bà Bùi Thị Ngọc L muốn tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 256m² đất do cha mẹ bà để lại thì phải thanh toán một khoản tiền cho bà, số tiền phải thanh toán sẽ theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giang Kim

N trình bày: Ông thống nhất với nội dung khởi kiện và lời khai của bà Giang Thị Kim H và đề nghị Tòa án chia di sản do cha mẹ ông để lại theo quy định pháp luật, cụ thể: Tạo một con đường để đi vào phần đất phía trong (con đường đi đã có sẵn chiều ngang khoảng 1,7m, chiều dài khoảng 20,5m) phần diện tích đất thổ mộ và diện tích đường đi trừ ra không chia, phần còn lại được chia đều cho 07 người con mỗi người hưởng kỹ phần như nhau, kỹ phần mà ông được hưởng ông đồng ý cho bà Giang Thị Kim H nhận và sở hữu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giang Kim Tr2, bà Giang Kim Ngọc Tr1, bà Giang Kim Hải Tr trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L, khi cha mẹ chúng tôi là ông Giang Kim Tr3 và bà Bùi Thị Ngọc L xây dựng căn nhà tại số 51 Đường C1, thị trấn D2 thì chúng tôi còn nhỏ và chỉ biết ranh giới xây dựng nhà là do các bà Giang Thị Kim H, Giang Thị Kim G chỉ ranh chứ không biết rõ nội dung tranh chấp giữa mẹ chúng tôi và bà Giang Thị Kim H. Nay bà Giang Thị Kim H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, chúng tôi thống nhất với yêu cầu của bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L. Tại phiên tòa, ông Giang Kim Tr2 đồng ý ủy quyền cho bà Bùi Thị Ngọc L tham gia tố tụng.

Tại bản án dân sự thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 623, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Giang Thị Kim H về việc: Chia di sản thừa kế của ông Giang Kim M, bà Phan Thị B là nhà và đất tại đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2.

2. Giá trị phần tài sản thừa kế mỗi người được nhận, cụ thể:

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Giang Kim N và bà Giang Thị Kim A cho bà Giang Thị Kim H phần tài sản thừa kế mà ông, bà được nhận. Bà Giang Thị Kim H được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là lô đất diện tích 247.8m² trên đất có khu mộ diện tích 10.8m² được trừ ra không chia (lô 2, phần 2b có sơ đồ bản vẽ kèm theo) thuộc sở hữu của bà Giang Thị Kim H. Giá trị tài sản là quyền sử dụng đất bà Giang Thị Kim H được nhận là 862.149.000 đồng, bà Giang Thị Kim H còn được nhận số tiền 278.717.000 đồng do bà Giang Thị Kim H1 thanh toán giá trị chênh lệch và số tiền 131.007.000 đồng do các ông, bà Bùi Thị Ngọc L, Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr thanh toán giá trị chênh lệch.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giang Thị Kim G cho bà Giang Thị Kim H1 phần tài sản thừa kế mà bà được nhận. Bà Giang Thị Kim H1 được nhận lô đất 231.5m² trên đất có căn nhà một tầng do cha mẹ để lại diện tích 67,72m²

cùng với lối đi riêng diện tích 60,7m² (con đường rộng 3m theo quy định; dài 20,20m) thuộc sở hữu của bà Giang Thị Kim H1 (lô 2, phần 2a + 2c có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và giá trị nhà ở trên đất mà bà Giang Thị Kim H1 được nhận là 1.152.823.000 đồng, bà Giang Thị Kim H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 278.717.000 đồng giá trị tài sản chênh lệch.

2.3. Bà Bùi Thị Ngọc L và các ông, bà Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr được nhận phần giá trị tài sản thừa kế là lô đất diện tích 276.3m² trên đất có căn nhà hai tầng diện tích 242,29m² thuộc sở hữu của bà Bùi Thị Ngọc L và các ông, bà Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr (lô 1, có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Giá trị tài sản là quyền sử dụng đất mà các ông, bà được nhận là 1.005.113.000 đồng, các ông, bà Bùi Thị Ngọc L, Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Giang Thị Kim H2 số tiền 437.053.000 đồng và thanh toán cho bà Giang Thị Kim H số tiền 131.007.000 đồng.

2.4. Buộc các ông, bà Bùi Thị Ngọc L, Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr phải tháo dỡ các miếng đan tại các mái hiên đang xây lấn qua phần đất của bà Giang Thị Kim H1.

2.5. Bà Giang Thị Kim H2 được nhận số tiền 437.053.000 đồng do các ông, bà Bùi Thị Ngọc L, Giang Kim Tr2, Giang Kim Ngọc Tr1, Giang Kim Hải Tr có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Bùi Thị Ngọc L về việc: Xem xét công sức bảo quản, duy trì di sản thừa kế là nhà và đất tại số 53, 51 (chỉ xét về đất) đường C1, Tổ dân phố D3, thị trấn D2, huyện D2 do ông Giang Kim Măng, bà Phan Thị B tạo lập.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, bà Bùi Thị Ngọc L kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung:

1. Buộc tôi phải tháo dỡ các tấm đan tại mái hiên qua phần đất bà Giang Thị Kim H1 là không hợp lý, vì hiện trạng đường đi vào nhà là 1,7m đúng theo ý của ông Giang Kim N, nhưng án sơ thẩm quyết định chừa 3m là không đúng.

2. Tôi làm dâu từ năm 1982 cho đến khi mẹ chồng chết là 1999, qua 19 năm nuôi dưỡng, chăm sóc, lo cúng giỗ....nhưng cấp sơ thẩm không tính công sức cho tôi là thiệt hại quyền lợi của tôi.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị

Th1 kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung: Các ông bà là vợ con của ông Lê Trường H5 con ngoài giá thú của ông Giang Kim M, nhưng không được Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chia thừa kế, nên kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Ngọc L giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại, vì tại phiên tòa hôm nay có thêm người thừa kế nhưng chưa được chia thừa kế như kháng cáo của vợ con ông Lê Trường H5.

Ông Nguyễn Văn H4, là người đại diện theo sự ủy quyền của các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1 trình bày rằng: Trước đây ông Giang Kim M có vợ là bà Lê Thị Cồn M1 và sinh được người con trai tên là Lê Trường H5, sinh năm 1940, chết năm 2014. Lúc sinh thời ông H5 có thường xuyên về nhà của ông Giang Kim M, hai bên đều nhận là cha con, khi bà Phan Thị B vợ kế ông M chết ông H5 có về chịu tang mẹ kế. Tuy nhiên khi chia thừa kế của ông M các người con đời nhỏ của ông M không khai báo là ông M có người con này, vì vậy tòa án cấp sơ thẩm đã không chia thừa kế cho ông H5. Do vậy tại phiên tòa hôm nay, ông Hải yêu cầu chi thừa kế cho vợ và con ông H5 là các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, án sơ thẩm còn bỏ lọt người thừa kế, do vậy đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi án sơ thẩm được công bố, ngoài việc bà Bùi Thị Ngọc L là bị đơn kháng cáo còn có vợ con của ông Lê Trường H5 kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của họ, mặc dù tại Tòa án cấp sơ thẩm những người này không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập tham gia tố tụng là do họ không được những người thừa kế khai báo, nên Tòa án cấp sơ thẩm không biết để triệu tập.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các ông bà: Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1 là vợ và con của ông Lê Trường H5 thì thấy: Tại phiên tòa hôm

nay ông Nguyễn Văn H4 là người đại diện có xuất trình chứng cứ mới là Kết quả xét nghiệm ADN của ông Lê Trường S, sinh năm 1970 là con của ông Lê Trường H5 với ông Giang Kim Tr2, sinh năm 1984 là con của ông Giang Kim Tr3 vào ngày 22/8/2019 do Công ty cổ phần công nghệ sinh học B1. Theo đó, Kết quả xét nghiệm đã kết luận: **“LÊ TRƯỜNG S và GIANG KIM TR2 có mối quan hệ huyết thống theo dòng cha”**. Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Lê Trường S và ông Giang Kim Tr2 đều là cháu nội của ông Giang Kim M, nên ông Lê Trường H5 là con của ông Giang Kim M phải được chia thừa kế theo pháp luật. Tuy nhiên, do các đương sự không khai báo ông Lê Trường H5 là người con riêng của ông Giang Kim M nên Tòa án cấp sơ thẩm không biết để chia thừa kế cho người này. Nên Tòa cấp phúc thẩm phải hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ lại cho Tòa cấp sơ thẩm chia thừa kế lại, trong đó có kỷ phần của ông Lê Trường H5 cho những người thừa kế của ông H5 là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, tuy bà Giang Thị Kim H và bà Giang Thị Kim H1 không thừa nhận là cha mẹ bà có người con tên Lê Trường H5, nhưng bà Bùi Thị Ngọc L khẳng định là năm 1992 bà L và bà Giang Thị Kim G có lên Gia Lai thăm gia đình ông H5. Ngoài ra trong các lần đám giỗ tại nhà cha mẹ bà, các con ông H5 có về tham dự, khi mẹ bà là bà Phan Thị B qua đời ông Lê Trường S là con ông Lê Trường H5 có về để tang.

[4]. Do Bản án sơ thẩm bị hủy để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại, nên HĐXX cấp phúc thẩm không xét kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc L.

[5]. Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1 và Bùi Thị Ngọc L, hủy Bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các ông bà Nay Thị R, Lê Trường S, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu V, Lê Thị Thu N1, Lê Trường L1, Lê Thị Thu Th, Lê Thị Th1 và bà Bùi Thị Ngọc L không phải nộp. Hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà L đã nộp tại biên lai thu số 729 ngày 24/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/10/2019).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường